TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 –CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82 /2025/HNGĐ–ST
Ngày: 19- 9 - 2025
V/v "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Hữu Đức**
2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Nhàn** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Vụ án thuộc trường hợp đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 182/TB-TA ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
Chị **Dương Kim M** – sinh năm 1996. Có đơn xin vắng mặt
Cư trú: Khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn:
Anh **Trần Văn T** – sinh năm 1987. Vắng mặt không lý do
Cư trú: Khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Dương Kim M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh T do tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2013, có đăng ký kết hôn năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về chuyện tiền bạc, con cái. Vợ chồng không thể chung sống nên đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có giải pháp nào để hàn gắn. Nay nhận thấy mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, nên chị M yêu cầu giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Chị M và anh T có 02 người con chung là: Cháu Trần Thị Kim A– sinh năm 2014 và cháu Trần Thị Trâm A1 – sinh năm 2016. Hiện hai cháu đang sống bên chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Văn T dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến gì có liên quan đến yêu cầu xin ly hôn của chị M.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn tiếp tục vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do.

* Vụ án thuộc trường hợp đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị M khởi kiện xin ly hôn, đồng thời yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi con, cấp dưỡng. Đây là quan hệ pháp luật về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật Số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng, do đó vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về vấn đề hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Dương Kim M và anh Trần Văn T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xãy ra cải vả, không có sự thông cảm lẫn nhau nên đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không có giải pháp gì để hàn gắn lại tình cảm. Qúa trình giải quyết vụ án, anh T dù đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia tố tụng, bỏ mặc sự việc hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nên chấp nhận cho chị Dương Kim M và anh Trần Văn T ly hôn là phù hợp.

[3.2] Về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng: Chị Dương Kim M và anh Trần Văn T có 02 người con chung là cháu Trần Thị Kim A– sinh năm 2014 và cháu Trần Thị Trâm A1 – sinh năm 2016, hiện đang chung sống với bên chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với người con nhằm đảm bảo cho con có điều kiện được sống tốt. Tuy nhiên, do chị M không có yêu cầu cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu, nên không xem xét.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Kim M phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 207; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, qản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Kim M và anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con, cấp dưỡng: Giao hai cháu Trần Thị Kim A– sinh năm 2014 và Trần Thị Trâm A1 – sinh năm 2016 cho chị Dương Kim M tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai được cản trở.

Chị Dương Kim M và anh Trần Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Kim M phải chịu án phí là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002750 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ (trước đây). Công nhận chị M đã nộp xong án phí.

4. Về kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP . Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4-Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Kiệt